

ĐỀ TÀI: ĐIỂM DANH - CHẨM CÔNG BẰNG NHẬN DIỆN KHUÔNG MẶT

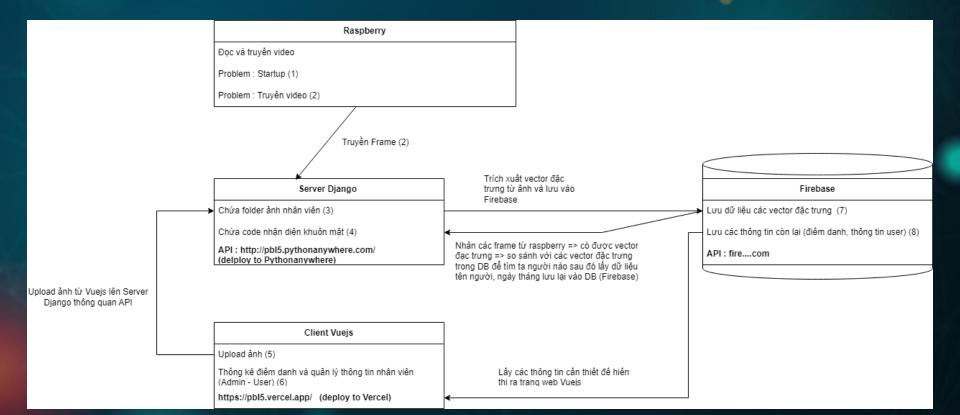
Nội dung chính gồm các phần sau:

Phần I . Tổ chức dữ liệu trong firebase - Xây dựng client Vuejs (Nguyễn Văn Mạnh – Captain)

Phần II. Xây dựng REST API by Django (Nguyễn Công Cường)

Phần III. Xây dựng Model nhận diện khuôn mặt (Nguyễn Văn Hoàng Phúc – Trần Thanh Nguyên)

Nhắt lại Sơ đồ hệ thống



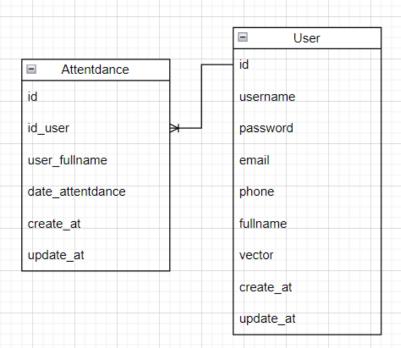
Tổ chức dữ liệu trong firebase & Xây dựng client Vuejs

01

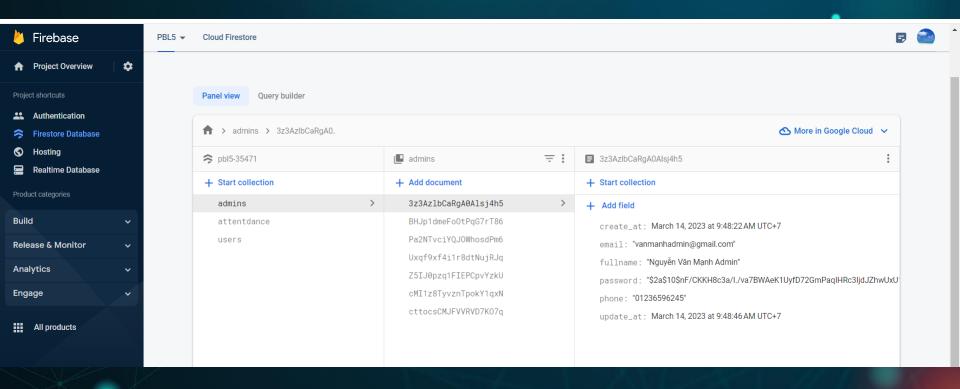
Nguyễn Văn Mạnh – Captain

Firebase – Diagram

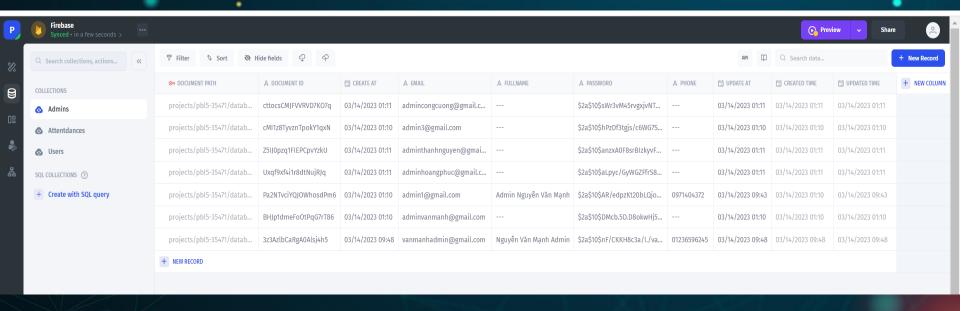




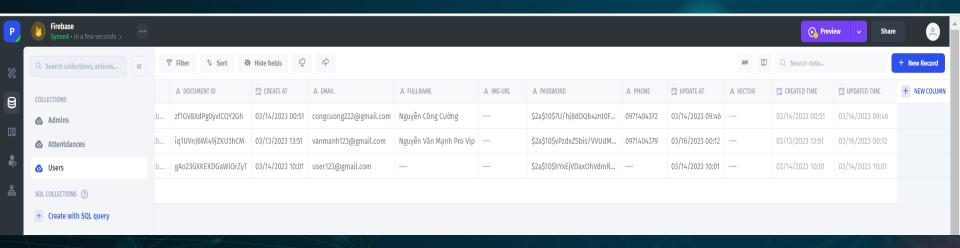
Firebase



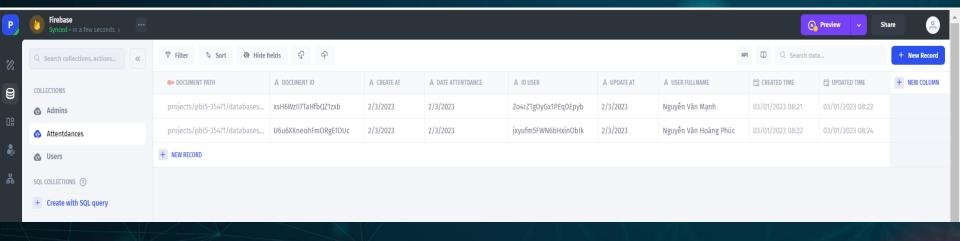
Admins



Users



Attentdansces





Client Vuejs



Demo User: https://pbl-5.vercel.app/

Email: user123@gmail.com

Password : user123

Demo Admin: https://pbl-5.vercel.app/admin

Email: admin1@gmail.com

Password: admin1

Xây dựng REST API by Django

02

Nguyễn Công Cường

1. Ứng dụng của Django vào back-end web nhận diện khuôn mặt

- Quản lý cơ sở dữ liệu: Django cung cấp một ORM (Object-Relational Mapping) để truy cập cơ sở dữ liệu. Điều này giúp cho việc lưu trữ và truy xuất dữ liêu trở nên dễ dàng hơn.
- O Ở đây chúng em sử dụng Django kết hợp với Firebase để lưu trữ dữ liệu. Một trong những thư viện phổ biến để tương tác với Firebase trong Django là "python-firebase".

1. Ứng dụng của Django vào back-end web nhận diện khuôn mặt

- Xử lý yêu cầu HTTP: Django cung cấp một bộ xử lý yêu cầu HTTP mạnh mẽ để xử lý các yêu cầu đến từ các client. Điều này giúp cho việc xử lý các yêu cầu nhận diện khuôn mặt từ các client được thực hiện một cách hiệu quả.
- O Phát triển ứng dụng web API: Django cho phép phát triển ứng dụng web API để truy cập dữ liệu từ các client. Điều này giúp cho việc xử lý các yêu cầu nhận diện khuôn mặt và trả về kết quả dễ dàng hơn.

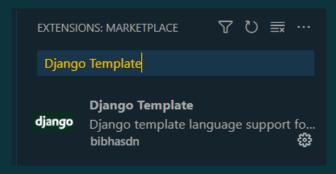
1. Ứng dụng của Django vào back-end web nhận diện khuôn mặt

- Tính bảo mật cao: Django có nhiều tính năng bảo mật để giữ cho ứng dụng an toàn. Điều này đặc biệt quan trọng khi đang xây dựng một ứng dụng nhận diện khuôn mặt, vì thông tin về khuôn mặt của các nhân viên là nhạy cảm và cần được bảo vê.
- Như vậy ta có thể thấy được Django là một framework phù hợp để phát triển back-end web nhận diện khuôn mặt dùng cho chấm công trong công ty.

O Cài đặt thư viện Django trong Python

```
PS E:\Django> pip install Django
Requirement already satisfied: Django in c:\users\win10hdd\appdata\local\programs\python\python311\li
Requirement already satisfied: asgiref<4,>=3.5.2 in c:\users\win10hdd\appdata\local\programs\python\p
(3.6.0)
Requirement already satisfied: sqlparse>=0.2.2 in c:\users\win10hdd\appdata\local\programs\python\pyt
0.4.3)
Requirement already satisfied: tzdata in c:\users\win10hdd\appdata\local\programs\python\python311\li
```

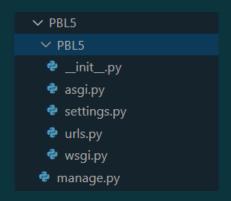
O Cài extension Django template



Tạo project PBL5

```
[notice] A new release of pip is available: 23.0 -> 23.0.1
[notice] To update, run: python.exe -m pip install --upgrade pip
PS E:\Django> django-admin startproject PBL5
PS E:\Django> [
```

O Cấu trúc cây ban đầu của project PBL5

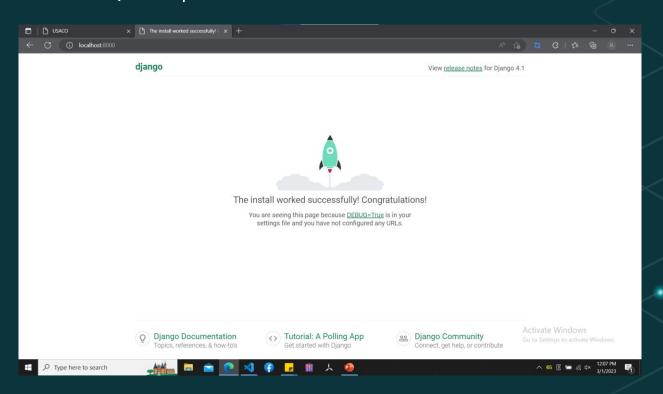




Chay server Django PBL5

```
PS E:\Django> cd PBL5
PS E:\Django\PBL5> python manage.py runserver
Watching for file changes with StatReloader
Performing system checks...
System check identified no issues (0 silenced).
You have 18 unapplied migration(s). Your project may not work properly until you apply
Run 'python manage.py migrate' to apply them.
March 01, 2023 - 11:11:37
Django version 4.1.7, using settings 'PBL5.settings'
Starting development server at http://127.0.0.1:8000/
Quit the server with CTRL-BREAK.
```

Server tại http://127.0.0.1:8000/



5. Tài liệu tham khảo:

- O Chat GPT
- Django documentation | Django documentation |
 Django (djangoproject.com)
- Django Tutorial (w3schools.com)

Xây dựng Model nhận diện khuôn mặt



Nguyễn Văn Hoàng Phúc – Trần Thanh Nguyên

Phần thuật toán:

Đầu vào:

Tập dữ liệu huấn luyện (các khuôn mặt được chọn làm gốc để nhận diện)

Tập dữ liệu kiểm thử (các khuôn mặt được qua từ camera cần nhân diên)

Đầu ra:

Kết quả nhận diện trên tập dữ liệu kiểm thử Hiệu suất nhận diện bao nhiều phần trăm

Phần thuật toán:

- 1. Trên tập dữ liệu huấn luyện thực hiện trích xuất đặc trưng các khuôn mặt.
- + Sử dụng thư viện face_recognition để trích xuất đặc trưng của khuôn mặt là một vector 128 phần tử lưu vào file know_face_encode.csv
- 2. Trên tập dữ liệu kiểm thử thực hiện trích xuất đặc trưng các khuôn mặt.
- + Sử dụng thư viện face_recognition để trích xuất đặc trưng của khuôn mặt là một vector 128 phần tử lưu vào file not_know_face_encode.csv
- + Sau đó sử dụng các mô hình ML (Gaussian NB, KNN, PCA, LDA, ...) để nhận diện các đặt trưng và thêm 1 trường vào cuối là trường nhận diện được (tên hoặc id của người)
- 3. So sánh 2 trường cuối cùng của file not_know_face_encode.csv để tính ra hiệu suất của từng mô hình ML.
- 4. Chọn các mô hình có hiệu suất tốt nhất và kết hợp để tăng hiệu suất.

Sử dụng thư viện face_recognition

1. Thực hiện trích xuất đặc trưng các khuôn mặt.

encode = face_recognition.face_encodings(img)[0]

2. Nhận diện đặt trưng của khuôn mặt chưa có từ danh sách các đặc trưng của các khuôn mặt đã có

matches = face_recognition.compare_faces(encodeListKnow, encodeFaceNotKnow)

3. Tính khoảng cách để xác định phần trăm độ chính xác với các đặc trưng đã có.

faceDis = face_recognition.face_distance(encodeListKnow, encodeFaceNotKnow)

Sử dụng thư viện face_recognition

```
def face distance (known encodings, face encoding):
  Tính toán khoảng cách giữa một khuôn mặt mới và các khuôn mặt đã biết.
  :param known encodings: danh sách các vector mã hóa khuôn mặt đã biết.
  :param face encoding: vector mã hóa khuôn mặt của khuôn mặt mới.
  :return: danh sách các giá tri khoảng cách giữa khuôn mặt mới và các khuôn mặt đã biết.
  # Chuyển đổi danh sách mã hóa khuôn mặt đã biết và mã hóa khuôn mặt mới sang các mảng NumPy.
  known_encodings = np.array(known_encodings)
  face_encoding = np.array(face_encoding)
  #Tính toán khoảng cách Euclidean giữa khuôn mặt mới và các khuôn mặt đã biết.
  distances = np.linalg.norm(known_encodings - face_encoding, axis=1)
  # Trả về danh sách khoảng cách giữa khuôn mặt mới và các khuôn mặt đã biết.
  return distances
```

Việc sử dụng hàm face_distance của thư viện face_recognition để nhận diện khuôn mặt chưa chắc đã đạt hiệu suất tốt nhất nên cần cải thiện bằng các mô hình ML khác nhau.

Phát triển thuật toán

Thực hiện giảm chiều dữ liệu - PP PCA

Sử dụng các mô hình Machine Learning cải thiện hiệu xuất:

Principal Component Analysis

O3

LDA

Linear Discriminant Analysis

• KNN

02 k-Nearest Neighbor

• MLD, SGD, SVM
Các loại mô hình ML khác

Giảm chiều dữ liệu - Phương pháp PCA



PCA(Principal Component Analysis) : là phương pháp chọn ra những đặt trưng quan trọng

Ma trận đặt trưng hiện tại của các ảnh là ma trận 1 x 128 (vẫn còn khá lớn)

Các bước của PCA



Hiện tại có nhiều thư viện hỗ trợ PCA : như numpy , scikit-learn pandas...

KNN (k-Nearest Neighbor)

Định nghĩa: là một thuật toán học có giám sát dùng để phân loại hoặc dự đoán dữ liệu mới dựa trên các điểm dữ liệu đã biết.

Sử dụng phương pháp: tính khoảng cách, dựa vào nhãn các k điểm gần nhất để đưa ra dự đoán nhãn của điểm này

Thư viện sciki-learn: có hàm kneighbersclassified hỗ trợ tính toán

LDA (Linear Discriminant Analysis)

```
from sklearn.discriminant analysis import LinearDiscriminantAnalysis
import numpy as np
# Các vector đặc trưng của các khuôn mặt đã biết
known faces = np.array(encodeListKnow)
# Nhãn của các khuôn mặt đã biết
known labels = np.array(classnames)
# Các vector đặc trưng của các khuôn mặt chưa biết
unknown faces = np.array(encodeListUnknow)
# Khởi tao mô hình LDA
Ida = LinearDiscriminantAnalysis()
# Huấn luyện mô hình LDA với các vector đặc trưng đã biết và nhãn tương ứng
lda.fit(known_faces, known_labels)
# Dự đoán nhãn của các khuôn mặt chưa biết bằng cách sử dụng mô hình LDA đã huấn luyện
predicted labels = Ida.predict(unknown faces)
print(predicted labels)
```

LDA (Linear Discriminant Analysis)

Kết quả:

```
C:\ProgramData\Anaconda3\envs\AnacondaFace\python.exe C:\Users\ACER\PycharmProjects\AnacondaFace\LDA.py

['Charlie_Puth', 'Charlie_Puth', 'Charlie_Puth', 'Elon_Musk', 'Elon_Musk', 'HPhuc', 'HPhuc', 'Taylor_Swift', 'Taylor_Swift']

guess: ['Charlie_Puth' 'Charlie_Puth' 'Charlie_Puth' 'Elon_Musk' 'Elon_Musk'

'HPhuc' 'Taylor_Swift']

correct: ['Charlie_Puth' 'Charlie_Puth' 'Charlie_Puth' 'Elon_Musk' 'Elon_Musk'

'HPhuc' 'Taylor_Swift']

Process finished with exit code 0
```

Nhận xét:

- Hiệu suất là 100% nhãn được nhận dạng chính xác.
- Vì dữ liệu còn nhỏ nên độ chính xác cao. Cần thêm dữ liệu để đánh giá hiệu suất tốn hơn.

SVM (Support Vector Machine)

Định nghĩa: là một thuật toán học có giám sát được sử dụng cho các bài toán phân loại và hồi quy. Cơ chế hoạt động của SVM được thực hiện bằng cách tìm một siêu mặt phẳng (hyperplane) phân chia tốt nhất các điểm dữ liệu thuộc các lớp khác nhau

Các bước tiến hành:

Lựa chọn kernel function và các siêu tham số (hyperparameters) cho SVM.

Huấn luyện SVM trên dữ liệu huấn luyện. Đánh giá hiệu suất của SVM trên dữ liệu kiểm tra. Tinh chỉnh các siêu tham số của SVM để cải thiện hiệu suất.

Thư viện sciki-learn: có hàm SVC hỗ trợ tính toán